TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **318**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11-05-2018
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tài

2. Bà Nguyễn Thị Mơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú *tham gia phiên toà:*

Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01năm 2018 về tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 813/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Khưu Thị Mỹ H, sinh năm: 1987, địa chỉ: 99/2 ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. *Bị đơn*: Anh Trần Văn Đ, sinh năm: 1966; địa chỉ: 64/3 ấp QB, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Khưu Thị Mỹ H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện; vào năm 2006 chị và anh Đ cưới nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Quới Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 22-6-2006. Sau khi kết hôn chị và anh Đ cùng sinh sống tại ấp Quí Đức B, xã Quới Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Chị và anh Đ sống không hạnh phúc vì từ lúc cưới nhau anh Đ không làm việc gì mà suốt ngày chơi bời, nhậu nhẹt. Anh Đ không quan tâm, chăm sóc gì đến chị và con; hàng tháng anh chỉ đưa cho chị một số tiền nhất định để chị lo ăn uống trong gia đình còn các khoản chi tiêu khác hay

khi thiếu hụt gì chị cũng phải tự lo, nếu chị có đề nghị đóng góp thêm thì anh Đ có thái độ hằn học đối với chị. Trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày ngoài việc khắt khe trong chi tiêu thì anh Đ cũng không đỡ đần hay phụ giúp công việc gia đình, cũng như việc chăm sóc con hằng ngày. Cách đây 02 năm vì đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Đ không sửa đổi nên chị trở về nhà mẹ ruột sống ly thân với anh Đ. Sau đó anh Đ và gia đình có đến năn nỉ và hứa hẹn sẽ sửa đổi vì thương con nên chị có quay về chung sống. Tuy nhiên chỉ một thời gian ngắn sau đó anh Đ vẫn với cách sống như cũ. Vì không thể tiếp tục chịu đựng sự hờ hững, vô tâm của anh Đ nên chị nộp đơn ly hôn. Tại tòa chị xác định hiện không còn tình cảm với anh Đ nên không thể hàn gắn đoàn tụ và kiên quyết yêu cầu ly hôn.

Về nuôi con chung: chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Quỳnh Anh, sinh ngày 24/4/2007 và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng; Chị H trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

Theo nội dung bản khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn Trần Văn Đ trình bày:

Anh thừa nhận về điều kiện tiến đến hôn nhân, việc đã đăng ký kết hôn, con chung, không có tài sản chung, nợ chung như chị H trình bày. Về tình trạng hôn nhân giữa anh và chị H anh cũng thừa nhận trong cuộc sống hằng ngày vì tính tình hời hợt nên anh thiếu để ý đến tâm tư tình cảm của vợ và con, đây là lỗi của anh dẫn đến việc chị H nộp đơn ly hôn. Hàng tháng anh có đóng góp chi phí cho sinh hoạt cho gia đình nhưng các công việc trong gia đình cũng như việc chăm sóc con cái hằng ngày do chị H tự lo, anh không có phụ giúp gì. Anh cũng có hay nhậu nhẹt nhưng nếu chị H không đồng ý thì kể từ nay anh sẽ từ bỏ.

Thời gian vợ chồng mâu thuẫn chị H đã bỏ đi khoảng 06 tháng nay, anh đã đi tìm nhưng không liên lạc được, quá trình hòa giải tại tòa chị H không cho anh cơ hội để được nói chuyện làm hòa nên anh không có cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Cách đây 02 năm cũng vì anh ít quan tâm đến vợ con nên chị H có giận anh và bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống; anh cùng gia đình lên năn nỉ thì chị H có quay về chung sống. Anh xác định lý do chị H yêu cầu ly hôn chỉ vì nguyên nhân giận hờn nhỏ nhặt, có thể bỏ qua lỗi của anh nên anh không đồng ý ly hôn. Hiện anh còn tình cảm với chị H nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ, anh cam kết sẽ sửa đổi theo yêu cầu của chị H chỉ đề nghị chị H cho anh cơ hội để sửa đổi. Về con chung, tài sản chung, nợ chung anh không có yêu cầu gì.

Cả chị H và anh Đ cùng trình bày không yêu cầu tòa án giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

*Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong giai đoạn chuẩn bị xét xử:*Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: căn cứ lời trình bày của chị H, anh Đ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Xét trong thời gian chung sống chị H, anh Đ đã phát sinh mâu thuẫn, chị H không có mong muốn hàn gắn, anh Đ cũng không tìm được phương pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó thấy rằng hôn nhân giữa chị H, anh Đ mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Khưu Thị Mỹ H thì thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung; bị đơn Trần Văn Đ cư trú tại Quí Đức B, xã Quới Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre do đó căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về hôn nhân: xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị H và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Quới Điền, huyện Thạnh Phú cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 22/6/2006. Vì vậy hôn nhân của anh chị đã hội đủ các qui định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H thấy rằng hôn nhân của anh chị đã trải qua khoảng thời gian dài mâu thuẫn từ việc anh Đ thờ ơ, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho chị H và con; thiếu sự chia sẻ, giúp đỡ với chị H trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của gia đình, mặc dù chị H nhiều lần nhắc nhở nhưng anh Đ không thay đổi cách sống; chính anh Đ cũng thừa nhận vấn đề này.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng cùng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng anh Đ đã vi phạm về nghĩa vụ của vợ chồng đối với chị H. Chị H đã tạo điều kiện cho anh để sửa đổi nhằm gìn giữ hạnh phúc gia đình nhưng anh Đ đã không có cách nhìn đúng đắn về trách nhiệm của mình đối với vợ và con; nay chị H yêu cầu ly hôn anh không đồng ý và có mong muốn hàn gắn đoàn tụ nhưng không được chị H chấp nhận vì đã nhiều lần tha thứ. Chị H phải chịu đựng trong

thời gian dài với cuộc sống thiếu đi sự đồng cảm của người chồng, cả anh Đ và chị H không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân và đây là nguyên nhân dẫn đến mất hạnh phúc giữa hai vợ chồng. Đồng thời, tại Tòa chị H xác định không còn tình cảm và lòng tin cho anh. Qua đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H với anh Đ là phù hợp.

[4] *Về con chung*: cháu Trần Quỳnh Anh, sinh ngày: 24/4/2007 hiện đang sống cùng chị H và có nguyện vọng sống cùng chị H khi cha mẹ ly hôn. Xét trong khoảng thời gian từ lúc chị hành và anh Đ sống ly thân, cháu Quỳnh Anh sống cùng chị H vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần, Đồng thời anh Đ cũng thừa nhận vấn đề này nên có căn cứ giao cháu Quỳnh Anh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; do chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: chị H và anh Đ thống nhất trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí:* Chị H phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với qui định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Khưu Thị Mỹ H. Chị Khưu Thị Mỹ H được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

Ghi nhận việc chị H và anh Đ không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Quỳnh Anh, sinh ngày: 24/4/2007; ghi nhận việc anh Đ không cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp

nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: chị H và anh Đ thống nhất trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0014230 ngày 11-01-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú xem như đã nộp xong.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Tài **Nguyễn Thị Mơ** **Cao Thanh Minh**

Nơi nThắng:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thanh Minh